BIẾN ĐỘNG CÁC CHỈ SỐ

Tổng quan thị trường	HSX	HNX
Giá trị đóng cửa	924,00	136,91
Thay đổi (%)	0,56%	0,96%
KLGD (triệu CP)	388,13	105,92
GTGD (tỷ VND)	6.644,67	1.678,93
Số CP tăng giá	187	80
Số Cp đứng giá	108	194
Số Cp giảm giá	196	79

Chỉ số tài chính	HSX	HNX
PB (lần)	2,06	1,17
PE (lần)	15,31	10,94
Hệ số Beta	1,01	0,77
ROE (%)	16,38%	14,46%
ROA (%)	6,71%	4,90%

Giao dịch thỏa thuận	HSX	HNX
Khối lượng (triệu CP)	44,34	40,88
GTGD (tỷ VNĐ)	858,21	989,13

Giao dịch NĐT NN	HOSE	HNX
Giá trị mua (tỷ VNĐ)	458,65	942,16
Giá trị bán (tỷ VNĐ)	496,24	941,67
GTGD ròng (tỷ VNĐ)	37,60	00,50
Tổng GTGD (tỷ VNĐ)	37,10	

Chỉ số HĐTL	Đóng cửa	+/-
VN30-Index	874,53	04,71
VN30F2009	871,60	02,90
VN30F2010	868,80	01,20
VN30F2012	867,00	02,80
VN30F2103	864,30	01,40

Thị trường thế giới	Đóng cửa	(%)
DJI *	28.425,51	0,43%
S&P 500 *	3.446,83	0,80%
DAX *	13.042,21	0,88%
FTSE 100 *	5.978,03	0,53%
Nikkei 225	23.619,69	0,12%
Hang Seng	24.193,13	0,31%

** Các chỉ số lấy giá trị phiên liền trước*

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 09/10/2020

THỊ TRƯỜNG LIÊN TỤC CHINH PHỤC NHỮNG NẤC CAO MỚI VỚI TUẦN TĂNG ĐIỂM THỨ 4 LIÊN TIẾP CỦA VNINDEX

Tổng hợp tuần:

Dù xảy ra đôi chút sự rung lắc, nhưng nhìn chung thị trường vừa trải quan một tuần giao dịch tích cực xét về mặt điểm số. Không chỉ vậy, sự ồ ạt của dòng tiền đổ vào đã giúp cho VN-Index đạt được mức thanh khoản cao nhất kể từ thời điểm giữa tháng 6 cho đến nay. Đóng cửa tuần giao dịch từ ngày 05/10 đến ngày 09/10, chỉ số VN-Index tăng nhẹ 14,09 điểm (+1,55%) lên mức 924,00 điểm tròn với thanh khoản đạt 2.332,80 triệu CP, tương đương với 38.844,01 tỷ đồng; Trong khi đó chỉ số HN-Index có mức tăng 2,00 điểm (+1,48%) lên 134,91 điểm với thanh khoản đạt 389,58 triệu CP, trị giá 5.332,08 tỷ đồng.

Diễn biến thị trường:

Thị trường vừa trải qua một tuần tương đối thiếu vắng thông tin quan trọng, chính vì vậy đã không có quá nhiều biến động xảy ra trên chỉ số VN-Index trong tuần vừa qua. Ngoại trừ phiên giao dịch ngày 8/10, 4 phiên giao dịch còn lại của tuần chỉ số VN-Index đều được kết thúc trong sắc xanh cùng với mức tăng nhẹ. 2 phiên giao dịch chỉ số VN-Index đạt được mức tăng trên 0,5% là phiên ngày 05/10 và phiên ngày 09/10, cũng chính là phiên giao dịch đầu tuần và cuối tuần với mức tăng lần lượt là 0,52% và 0,56%. Tổng kết lại thì đây đã là tuần tăng điểm thứ 4 liên tiếp của chỉ số VN-Index.

Điểm nhấn trong tuần vừa qua không thể không kể đến yếu tố thanh khoản khi dòng tiền của nhà đầu tư liên tục đổ vào thị trường qua các phiên giao dịch. Đặc biệt trong 4 phiên đầu tuần, thanh khoản sàn HSX đã đạt mức trung bình trên 8 nghìn tỷ (2,31 tỷ NDT) mỗi phiên. Duy chỉ có phiên cuối tuần thì giá trị giao dịch bất ngờ sụt giảm về chỉ còn hơn 6,6 nghìn tỷ (1.91 tỷ NDT)

Nhìn chung dòng tiền đã có sự lan tỏa đồng đều trên thị trường trong tuần qua. Chúng tôi nhận thấy sắc xanh đều hiện diện trên hầu hết các nhóm ngành, từ ngân hàng, chứng khoán, bất động sản, cho đến thép, dệt may hay thủy sản. Giữa diễn biến như vậy, một số cổ phiếu nổi lên như những điểm sáng nhất của ngành nhờ một mức tăng vượt trội. Tiêu biểu như VIB của nhóm ngân hàng tăng 11,86% trong tuần qua, VND của nhóm chứng khoán tăng 11,93% hay NBB và SGR của ngành bất động sản với mức tăng lần lượt 13,96% và 12,60%. Đối với nhóm cổ phiếu vốn hóa, nổi bật nhất trong tuần qua là MSN (+25,88%), và HPG (+6,74%).

Khối ngoại dù bán ròng cả 5 trên 5 phiên giao dịch nhưng giá trị đã giảm đi đáng kể so với tuần giao dịch trước đó. Tổng giá trị bán ròng tuần này của khối ngoại đạt 607,86 tỷ trên cả 2 sàn, đặc biệt trong phiên cuối tuần họ chỉ còn bán 37,10 tỷ. Các cổ phiếu bị bán mạnh nhất trong tuần qua là VNM (-391,10 tỷ), CTG (-101,85 tỷ), BID (-86,25 tỷ). Ở chiều ngược lại thì HPG, DXG, VCB là các cổ phiếu được khối ngoại mua nhiều nhất với giá trị ròng lần lượt là 175,38 tỷ, 74,63 tỷ và 27,95 tỷ.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ:

Phiên tăng điểm cuối tuần đã giúp VN-Index kết thúc tuần với 1 cây nến Marubozu xanh một thân nến nhỏ trên đồ thị kỹ thuật, thể hiện tâm lý hứng khởi của nhà đầu tư trong tuần vừa qua. Đồng thời, cùng với sự hậu thuẫn của yếu tố dòng tiền thì chỉ số VN-Index cũng đã đi lên tiệm cận với ngưỡng kháng cự kỳ vọng (925-930) điểm mà đã được chúng tôi nhắc đến trong các bản tin trước đây. Trong giai đoạn hưng phấn hiện tại, chúng tôi cho rằng nhiều khả năng thị trường sẽ chinh phục được ngưỡng kháng cự trên và tiếp tục tiến đến ngưỡng kháng cự mới (940- 945) trong tuần tới. Tuy vậy, chúng tôi nhận thấy rủi ro đã bắt đầu lớn hơn cơ hội và giai đoạn này chúng ta cần phải thận trọng hơn. Chúng tôi khuyến nghị qúy nhà đầu căn bán, hạ bớt tỷ trọng CP khi thị trường tiếp cận mốc 930 điểm và hạn chế mua mới trong giai đoạn hiện tại.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CHUYÊN SÂU VNINDEX

Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo ngắn hạn	Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo Trung hạn
Stochastic	QUÁ MUA	**MACD**	TÍCH CỰC
Volume	TÍCH CỰC	**MA18**	TÍCH CỰC
MA Ngắn hạn	TÍCH CỰC	**MA65**	TRUNG TÍNH
Trend Ngắn hạn	TÍCH CỰC	**Trend Trung hạn**	TIÊU CỰC

Kết luận: Không có quá nhiều biến động như tuần trước, diễn biến của tuần này tương đối tích cực với số phiên tăng điểm chiếm ưu thế. Không khó để chúng ta nhận ra thị trường đang lầm lũi tiến lên từng nấc một và dần áp sát ngưỡng kháng cự kỳ vọng (925-930) điểm.

Một điểm đặc biệt nữa là thanh khoản đã tăng lên đáng kể và đặt mức cao kỷ lục trong 5 tháng gần đây trong tuần vừa qua. Điều này cho thấy dòng tiền đang rất mạnh mẽ và có khả năng sẽ xuyên thủng ngưỡng kháng cự (925-930) mà chúng tôi đã đặt kỳ vọng trong tháng trước. Bên cạnh đó, ở biểu đồ tuần cho thấy dấu hiệu củng cố cho xu hướng tăng điểm tiếp diễn khi chỉ số Vn-index đã vượt lên trên đường trung bình MA65. Còn trên biểu đồ ngày, chỉ số Vn-index luôn luôn duy trì sự dao động bám sát và ở phía trên 2 đường trung bình MA7 & MA18. Với những diễn biến như thế, xác suất cao là thị trường sẽ tiếp tục nối dài số phiên tăng điểm trong tuần tới. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy rủi ro đã bắt đầu lớn hơn cơ hội và giai đoạn này chúng ta cần phải thận trọng hơn. Chúng tôi khuyến nghị qúy nhà đầu căn bán, hạ bớt tỷ trọng CP khi thị trường tiếp cận mốc 930 điểm và căn bán hết khi thị trường hưng phấn tăng tới ngưỡng (940- 945) trong tuần tới.

GIAO DỊCH NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỈ SỐ ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG

Giao dịch tự doanh ròng - Ngày

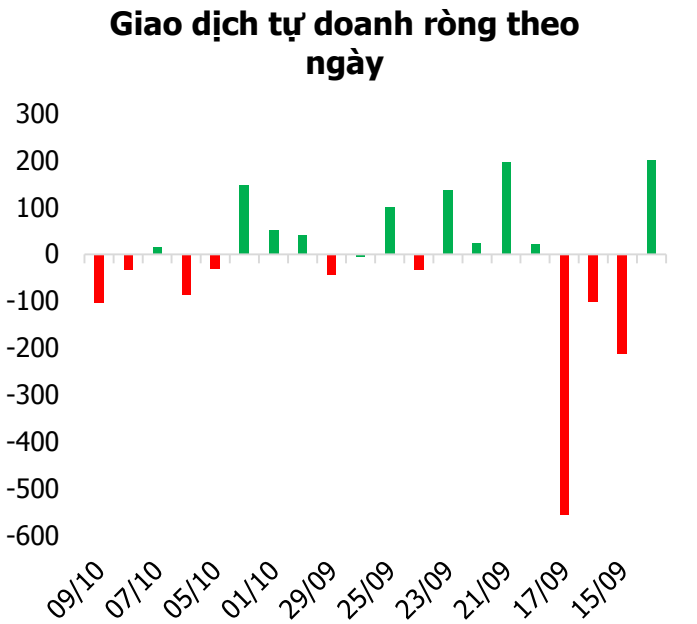

Giá trị giao dịch theo nhà đầu tư - Ngày

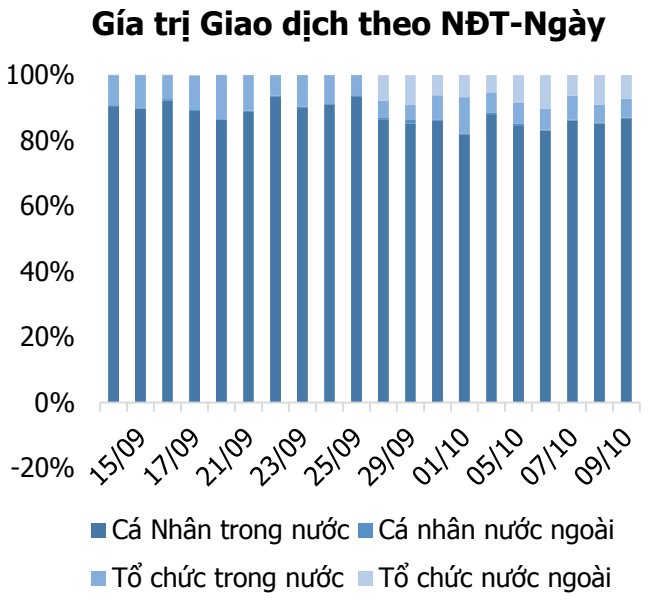

Vn-inden – P/E lịch sử

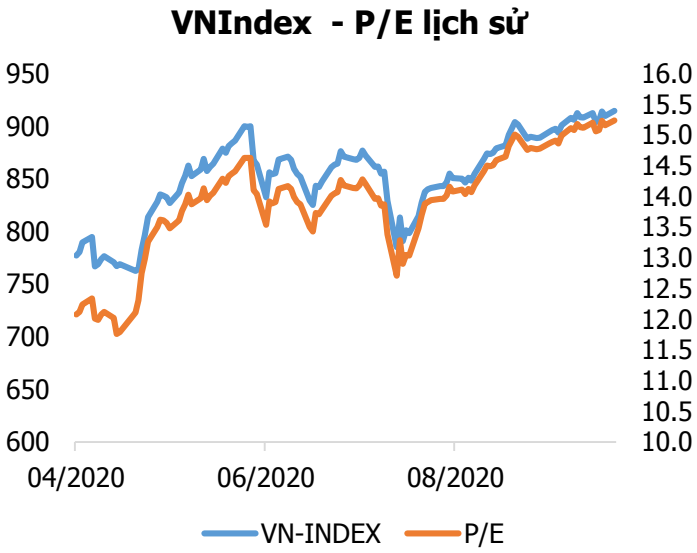

Hn-index – P/E lịch sử

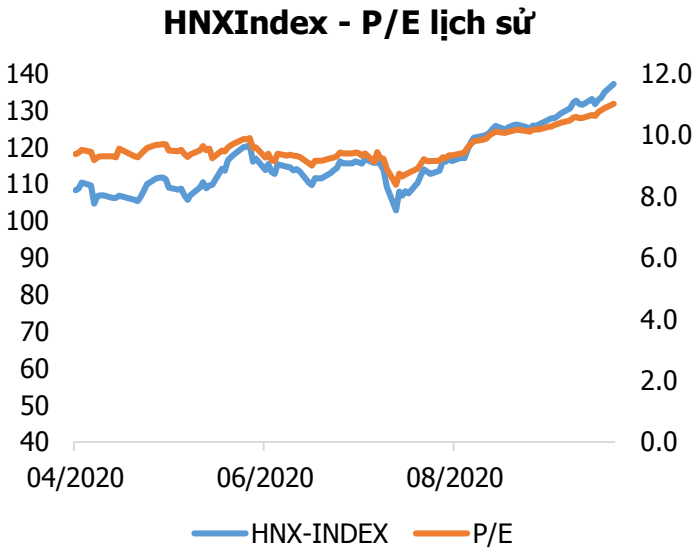

TOP MUA RÒNG TỰ DOANH

Top mua ròng		
Mã CP	**Giá**	**Giá trị (Tr. đồng)**
HPG	28,500	8,466.44
TCB	21,350	7,996.69
VHM	77,000	7,950.46
E1VFVN30	14,630	5,857.71
MWG	109,000	5,428.18

TOP BÁN RÒNG TỰ DOANH

Top bán ròng		
Mã CP	**Giá**	**Giá trị (Tr. đồng)**
GEX	22,800	48,000.00
BMP	56,900	21,347.96
MSN	68,100	19,144.53
CII	19,000	15,105.72
FPT	50,800	7,406.70

(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ vnđ)

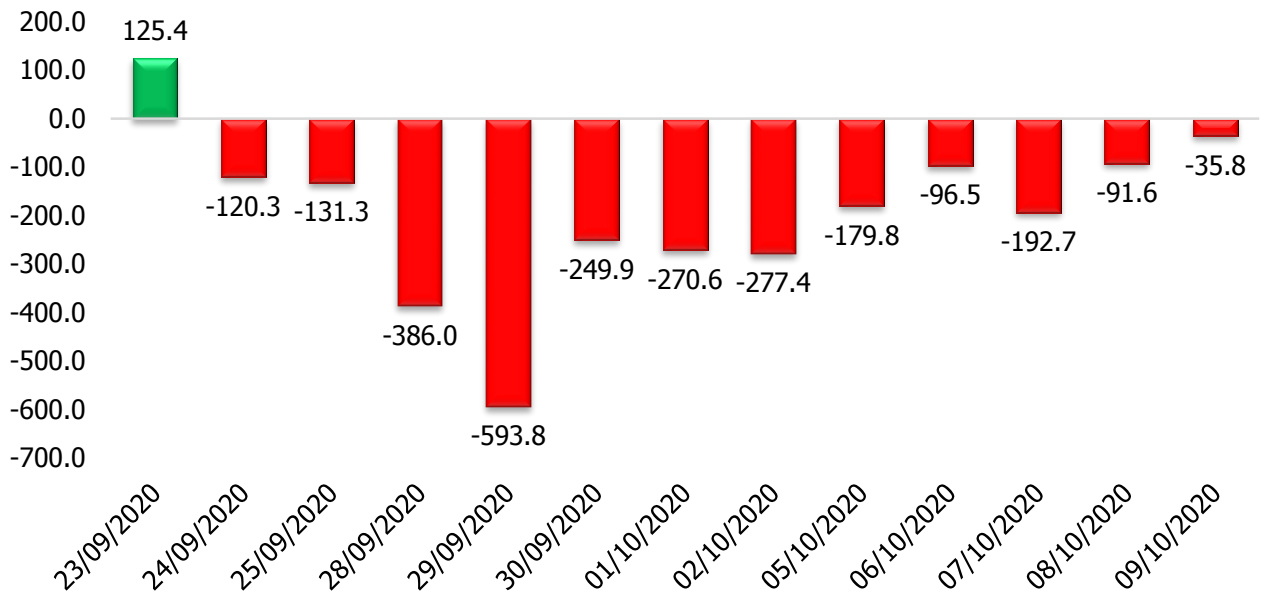

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 6 tuần gần nhất (tỷ vnđ)

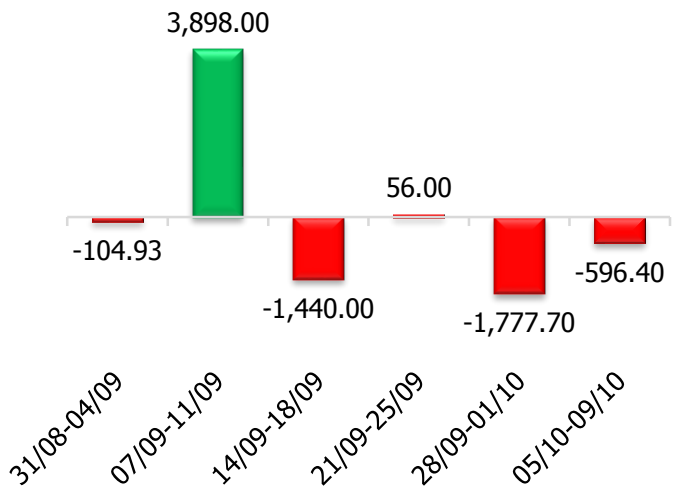

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 6 tháng gần nhất (tỷ vnđ)

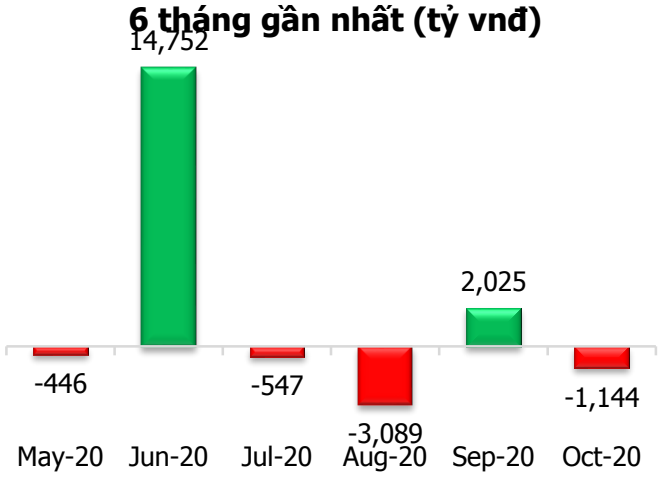

HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
HPG	34.40	CTG	32.45
MSN	20.90	VNM	22.89
VCB	14.12	NBB	20.46
STB	9.74	VCI	15.94
VHM	8.84	GEX	11.72

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
PVS	0.72	VGS	0.41
TDN	0.44	VCS	0.35
DXP	0.30	SHB	0.29
BVS	0.11	NTP	0.26
CAP	0.10	SMT	0.12

NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành

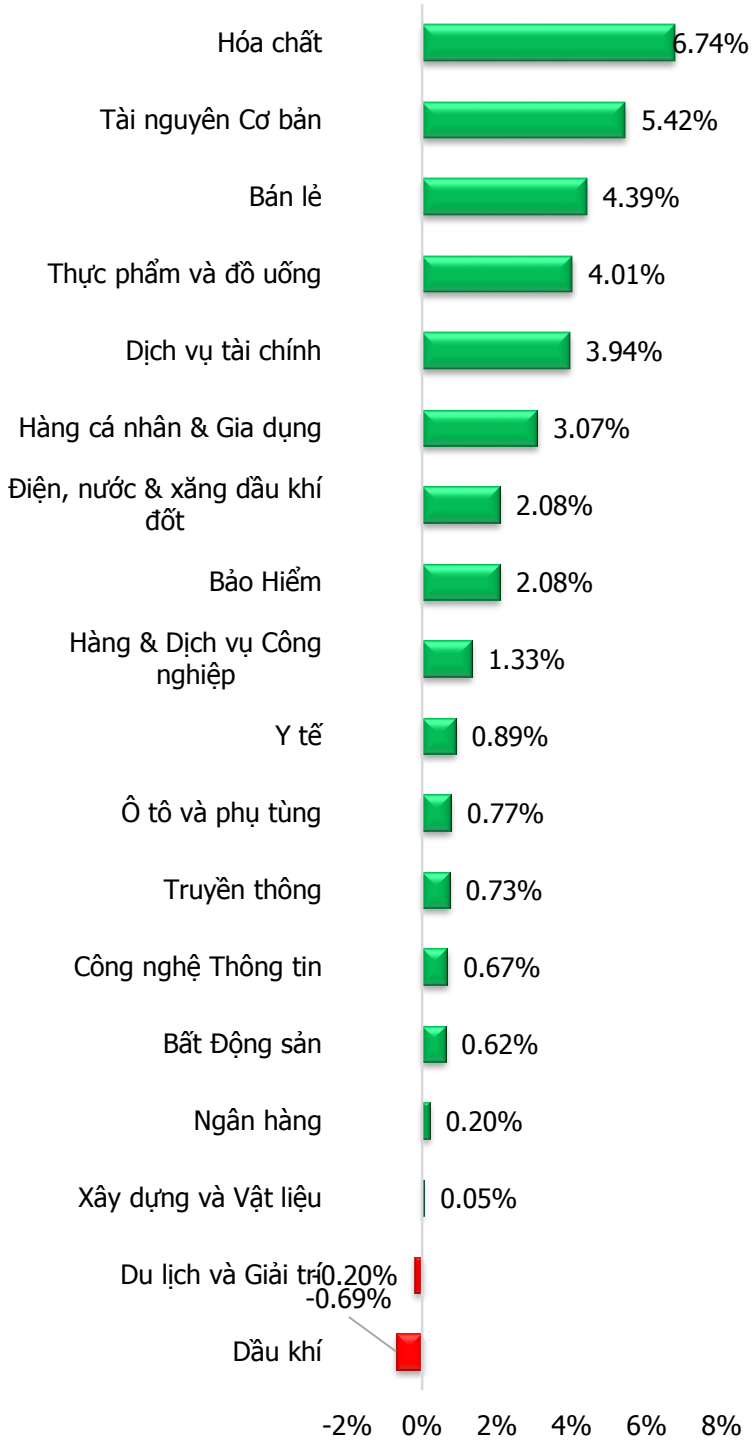

Giá trị giao dịch theo ngành (tỷ đồng)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

	Cổ phiếu	Giá Mua cao nhất	Giá Bán cao nhất	Cắt lỗ	Giá đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
Danh Mục Khuyến Nghị Mua	GAS	74.0	82.1	67.4	74.30	73.30					Chờ khớp
	LIX	59.1	65.5	53.8	59.10	58.50					Mua thêm
	PNJ	62.5	69.3	56.9	63.20	61.90					Chờ khớp
	SIP	83.1	92.2	75.7	83.60	82.30					Chờ khớp
Danh Mục Đang Nắm Giữ	PVD	12.2	13.6	11.1	12.10	12.10		10/6/2020		0.0%	Nắm giữ
	MML	42.1	46.7	38.4	44.60	41.70		10/2/2020		7.0%	Nắm giữ
	NLG	26.3	29.1	23.9	26.65	26.00		10/2/2020		2.5%	Nắm giữ
	TDH	8.1	9.0	7.4	7.87	8.00		10/2/2020		-1.6%	Nắm giữ
	VRG	18.7	20.7	17.0	22.80	18.50		10/2/2020		23.2%	Nắm giữ
	BFC	17.1	18.9	15.5	17.10	16.90		9/29/2020		1.2%	Nắm giữ
	BSR	7.2	8.0	6.5	7.30	7.10		9/29/2020		2.8%	Nắm giữ
	CTG	27.0	29.9	24.6	27.60	26.70		9/29/2020		3.4%	Nắm giữ
	LIX	58.3	64.6	53.1	59.10	57.70		9/17/2020		2.4%	Nắm giữ
	EVF	7.1	7.8	6.4	8.20	7.00		9/17/2020		17.1%	Nắm giữ
	TRA	57.6	63.8	52.4	64.80	57.00		9/16/2020		13.7%	Nắm giữ
	SLS	76.1	84.3	69.3	78.60	75.30		9/15/2020		4.4%	Nắm giữ
	PXS	5.2	5.7	4.7	6.02	5.10		9/11/2020		18.0%	Nắm giữ
	DHA	38.9	43.1	35.4	40.75	38.50		9/10/2020		5.8%	Nắm giữ
	STK	15.4	17.0	14.0	15.50	15.20		9/9/2020		2.0%	Nắm giữ
	ANV	17.8	19.7	16.2	20.10	17.60		9/8/2020		14.2%	Nắm giữ
	INN	26.8	29.7	24.4	30.80	26.50		9/4/2020		16.2%	Nắm giữ
	EIB	17.4	19.3	15.8	17.15	17.20		8/31/2020		-0.3%	Nắm giữ
	PVC	5.8	6.4	5.2	6.10	5.70		8/27/2020		7.0%	Nắm giữ
	CEO	7.4	8.2	6.7	7.60	7.30		8/26/2020		4.1%	Nắm giữ
	TCT	25.7	28.4	23.4	29.30	25.40		8/26/2020		15.4%	Nắm giữ
	CII	18.4	20.4	16.7	19.00	18.20		8/25/2020		4.4%	Nắm giữ
	GTN	24.1	26.8	22.0	25.30	23.90		8/25/2020		5.9%	Cắn bán
	POW	10.2	11.3	9.3	10.55	10.10		8/20/2020		4.5%	Nắm giữ
	HT1	14.0	15.6	12.8	17.00	13.90		8/17/2020		22.3%	Nắm giữ
	IMP	45.3	50.3	41.3	47.50	44.90		8/17/2020		5.8%	Nắm giữ
	CAP	30.4	33.7	27.7	32.80	30.10		8/14/2020		9.0%	Nắm giữ
	DCM	8.6	9.5	7.8	12.10	8.50		8/14/2020		42.4%	Nắm giữ
	G36	5.2	5.7	4.7	7.20	5.10		8/14/2020		41.2%	Nắm giữ
	HAH	11.5	12.8	10.5	13.80	11.40		8/14/2020		21.1%	Nắm giữ
	HCM	17.8	19.7	16.2	22.50	17.60		8/12/2020		27.8%	Nắm giữ
	THG	50.1	55.6	45.6	52.30	49.60		8/11/2020		7.6%	Nắm giữ
	BMI	21.6	24.0	19.7	28.95	21.40		8/7/2020		35.3%	Nắm giữ
	C32	24.0	26.7	21.9	25.70	23.80		8/7/2020		16.8%	Nắm giữ
	D2D	56.1	62.2	51.1	71.80	55.50		8/6/2020		31.2%	Nắm giữ
	NVL	65.1	72.2	59.3	62.60	64.50		8/3/2020		-2.9%	Nắm giữ
	TRC	31.2	34.6	28.4	34.85	30.90		7/8/2020		12.8%	Nắm giữ
	DHC	37.5	41.6	34.1	45.70	37.10		7/3/2020		23.2%	Nắm giữ
Danh Mục Đã Bán	SZL	41.6	46.1	37.9	52.50	41.20	53.50	7/29/2020	9/1/2020	29.9%	Đã bán
	CDC	23.1	25.6	21.1	28.80	22.90	28.80	8/5/2020	9/3/2020	25.8%	Đã bán
	L14	55.6	61.6	50.6	51.20	55.00	50.80	7/29/2020	9/1/2020	22.7%	Đã bán
	UDC	5.1	5.6	4.6	5.87	5.00	6.10	8/21/2020	9/1/2020	22.0%	Đã bán
	DIG	13.2	14.6	12.0	15.05	13.05	15.50	8/27/2020	9/30/2020	18.8%	Đã bán
	SHS	11.0	12.2	10.0	12.80	10.90	12.80	8/20/2020	10/8/2020	17.4%	Đã bán
	DPM	14.3	15.8	13.0	16.40	14.15	16.60	8/14/2020	9/22/2020	17.3%	Đã bán
	NT2	22.1	24.5	20.1	23.50	21.90	23.50	6/23/2020	9/21/2020	17.2%	Đã bán
	GEX	22.0	24.4	20.1	25.25	21.80	25.50	8/26/2020	9/14/2020	17.0%	Đã bán
	REE	35.1	39.0	32.0	40.05	34.80	40.40	8/14/2020	9/24/2020	16.1%	Đã bán
	VSC	30.8	34.2	28.1	34.00	30.50	35.00	7/31/2020	9/1/2020	14.8%	Đã bán

	DGW	42.4	47.0	38.6	45.80	42.00	48.00	8/6/2020	9/1/2020	14.3%	Đã bán
	MPC	27.5	30.5	25.0	30.80	27.20	30.80	7/26/2020	9/30/2020	13.2%	Đã bán
	TPB	20.6	22.8	18.8	22.80	20.40	23.00	7/29/2020	9/8/2020	12.7%	Đã bán
	VCS	66.7	73.9	60.7	73.00	66.00	73.00	9/7/2020	9/30/2020	10.6%	Đã bán
	SCS	111.1	123.2	101.2	120.70	110.00	120.70	7/29/2020	9/30/2020	9.7%	Đã bán
	DMC	56.4	62.5	51.3	60.00	55.80	60.00	9/9/2020	10/1/2020	7.5%	Đã bán
	TNG	12.3	13.7	11.2	13.10	12.20	13.10	9/4/2020	10/2/2020	7.4%	Đã bán
	HDC	17.4	19.3	15.8	17.80	17.20	18.00	8/14/2020	9/1/2020	4.7%	Đã bán
	APC	20.5	22.7	18.7	20.80	20.30	20.80	9/1/2020	9/30/2020	2.5%	Đã bán
	DRH	7.4	8.2	6.7	7.30	7.31	7.40	9/9/2020	9/23/2020	1.2%	Đã bán
	VGI	27.8	30.8	25.3	27.80	27.50	27.80	9/24/2020	9/30/2020	1.1%	Đã bán
	GMD	23.9	26.5	21.8	23.90	23.70	23.90	9/21/2020	9/30/2020	0.8%	Đã bán
	VRE	28.1	31.1	25.6	27.80	27.80	28.00	9/4/2020	9/29/2020	0.7%	Đã bán
	PPC	24.3	27.0	22.2	23.80	24.10	23.80	9/11/2020	9/25/2020	-1.2%	Đã bán
	TDN	7.1	7.8	6.4	6.70	7.00	6.90	8/28/2020	9/1/2020	-1.4%	Đã bán
	PVS	12.8	14.2	11.7	12.50	12.70	12.50	8/27/2020	9/8/2020	-1.6%	Đã bán
	MSN	56.1	62.2	51.1	54.00	55.50	54.50	9/7/2020	9/18/2020	-1.8%	Đã bán
	ICT	21.1	23.4	19.2	20.20	20.90	20.50	8/20/2020	9/8/2020	-1.9%	Đã bán
	VGC	22.7	25.2	20.7	21.70	22.50	22.00	9/4/2020	9/10/2020	-2.2%	Đã bán
	DLG	1.4	1.5	1.3	1.33	1.38	1.35	8/11/2020	9/3/2020	-2.2%	Đã bán
	VEA	45.0	50.0	41.0	43.20	44.60	43.20	9/17/2020	9/30/2020	-3.1%	Đã bán
	TLG	36.6	40.5	33.3	35.00	36.20	35.00	8/31/2020	9/30/2020	-3.3%	Đã bán
	CTD	81.8	90.7	74.5	74.30	81.00	73.10	8/26/2020	9/8/2020	-4.7%	Đã bán
	CSC	23.7	26.3	21.6	22.60	23.50	22.20	9/7/2020	10/1/2020	-5.5%	Đã bán
	DST	7.3	8.1	6.6	6.80	7.20	6.60	8/17/2020	8/25/2020	-8.3%	Đã bán
	LHG	20.2	22.4	18.4	24.35	20.00	25.10	8/6/2020	8/21/2020	25.5%	Đã bán
	KSB	22.3	24.8	20.3	26.50	22.10	27.70	8/5/2020	8/21/2020	25.3%	Đã bán
	SZC	23.0	25.5	21.0	26.50	22.80	27.00	7/29/2020	8/12/2020	18.4%	Đã bán
	DVN	10.9	12.1	9.9	11.50	10.80	11.60	7/3/2020	7/21/2020	7.4%	Đã bán
	KDH	23.6	26.2	21.5	22.85	23.40	23.50	7/29/2020	8/3/2020	0.4%	Đã bán

NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
L10	16,050	1,050	7.00%	14,900
VCF	255,300	16,700	7.00%	5,350
TLH	4,130	270	6.99%	342,260
DAT	36,800	2,400	6.98%	1,330
HTL	16,950	1,100	6.94%	10

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HKB	1,000	100	11.11%	203,200
LO5	2,200	200	10.00%	3,100
DTD	21,500	1,900	9.69%	345,200
TA9	11,400	1,000	9.62%	250,000
SFN	18,300	1,600	9.58%	300

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SMA	9,230	-670	-6.77%	3,720
TTE	8,920	-660	-6.89%	90
TIX	28,350	-2,100	-6.90%	160
TNC	28,150	-2,100	-6.94%	40
THI	30,700	-2,300	-6.97%	4,100

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HEV	10,600	-1,100	-9.40%	100
LM7	3,700	-400	-9.76%	100
X20	7,300	-800	-9.88%	300
SDG	29,800	-3,300	-9.97%	100
TST	12,600	-1,400	-10.00%	2,000

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ITA	5,300	10	0.19%	20,216,160
TCH	21,300	400	1.91%	16,097,270
TCB	21,350	0	0.00%	13,523,760
ROS	2,290	-110	-4.58%	13,476,290
CTG	27,650	500	1.84%	10,113,630

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HUT	2,700	-200	-6.90%	13,448,600
SHS	13,200	400	3.13%	4,123,100
KLF	1,800	0	0.00%	3,021,300
TVC	10,200	700	7.37%	2,308,900
NDN	19,800	1,700	9.39%	2,289,700

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ITA	5,300	10	0.19%	20,216,160
FLC	3,800	-200	-5.00%	18,636,670
TCH	21,300	400	1.91%	16,097,270
TCB	21,350	0	0.00%	13,523,760
ROS	2,290	-110	-4.58%	13,476,290

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HUT	2,700	-200	-6.90%	13,448,600
ACB	23,500	300	1.29%	8,717,300
SHS	13,200	400	3.13%	4,123,100
SHB	15,600	200	1.30%	3,677,300
PVS	14,200	0	0.00%	3,665,100

(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

DANH MỤC VN30:

STT	Mã CP	Vốn hóa	Giá trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Giá hiện tại	Tăng/giảm 12T
		tỷ vnđ	*vnđ*	*vnđ*	*%*	*%*	*lần*	*lần*	*cổ phiếu*	ngàn vnđ	*%*
1	BID	162,490	19,019	2,142	0.7%	16.2%	18.86	2.12	1,264,755	40,350	1.67%
2	TCH	7,383	13,722	2,186	7.8%	8.7%	9.56	1.52	3,579,710	21,300	-8.37%
3	CTG	101,090	21,608	2,995	0.7%	11.9%	9.06	1.26	5,963,590	27,650	30.84%
4	KDH	13,551	13,681	1,949	5.5%	8.5%	12.45	1.77	1,095,439	24,250	2.94%
5	PLX	60,697	16,335	937	5.8%	16.2%	53.16	3.05	1,216,528	49,750	-8.29%
6	EIB	21,085	13,145	567	0.9%	8.6%	30.27	1.30	3,628,958	17,150	2.08%
7	FPT	40,058	19,083	4,278	11.7%	23.0%	11.94	2.68	2,063,348	50,800	8.99%
8	GAS	142,781	27,378	5,223	17.5%	25.7%	14.28	2.72	703,528	74,300	-21.67%
9	POW	24,590	11,979	925	4.1%	9.5%	11.36	0.88	5,072,943	10,550	-18.92%
10	HDB	30,765	16,615	3,262	1.4%	18.6%	7.51	1.47	1,383,696	24,500	15.40%
11	HPG	93,103	15,817	2,626	16.4%	26.8%	10.70	1.78	12,627,455	28,500	56.84%
12	MBB	48,946	15,788	2,976	1.4%	14.9%	5.93	1.12	6,462,945	17,550	-10.59%
13	MSN	75,062	19,750	3,243	8.9%	26.1%	19.71	3.24	2,178,992	68,100	-16.91%
14	MWG	49,568	31,510	8,356	12.2%	41.3%	13.10	3.48	1,172,114	109,000	-10.98%
15	NVL	62,091	23,470	3,996	3.7%	13.6%	15.77	2.68	2,041,367	62,600	0.64%
16	PNJ	14,138	20,883	4,610	18.8%	28.3%	13.62	3.01	892,909	63,200	-19.49%
17	REE	12,852	33,877	4,779	11.6%	19.1%	8.67	1.22	549,699	42,000	14.45%
18	ROS	1,362	10,380	-72	7.6%	14.0%	-33.41	0.23	13,854,391	2,290	-90.72%
19	SAB	120,561	28,760	6,642	21.4%	29.3%	28.30	6.54	186,377	193,000	-25.92%
20	SBT	9,947	12,296	606	3.0%	8.0%	26.98	1.33	3,420,274	16,550	-8.66%
21	SSI	10,727	16,208	1,718	6.6%	14.4%	10.39	1.10	5,225,577	18,000	2.92%
22	STB	24,440	15,218	1,349	0.4%	6.3%	10.05	0.89	12,795,145	13,550	23.18%
23	TCB	74,728	19,157	3,103	3.1%	25.6%	6.88	1.11	4,838,272	21,350	-9.34%
24	VCB	314,513	24,127	4,916	1.2%	20.3%	17.25	3.51	1,287,538	84,800	0.53%
25	VHM	251,977	20,763	6,554	0.0%	0.0%	11.69	3.69	5,155,952	77,000	-13.54%
26	VIC	312,198	24,003	2,208	1.6%	5.8%	41.80	3.85	903,705	93,600	-21.18%
27	VJC	54,479	28,564	4,339	15.1%	45.4%	23.97	3.64	412,820	104,400	-24.31%
28	VNM	223,384	14,421	5,134	28.5%	38.9%	20.82	7.41	1,667,185	106,700	3.22%
29	VPB	57,165	19,475	4,126	2.6%	24.1%	5.68	1.20	5,982,290	23,400	6.59%
30	VRE	62,830	12,214	1,058	5.6%	7.9%	26.12	2.26	3,241,182	27,650	-11.52%

(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

Điểm tin tuần 05/09/2020 – 09/10/2020.

Thứ 2 ngày 05/10/2020

- Viễn cảnh của khu vực sẽ trở nên tươi sáng hơn vào năm 2021 với dự báo tăng trưởng ở mức 7,9% tại Trung Quốc và 5,1% tại các quốc gia còn lại ở khu vực Đông Á – Thái Bình Dương. Tuy nhiên, sản lượng dự báo ở tất cả các quốc gia trong khu vực vẫn thấp hơn nhiều so với dự báo trước đại dịch trong hai năm tới. Triển vọng trên càng ảm đạm hơn ở một số các quốc đảo Thái Bình Dương có nguy cơ cao, với dự báo sản lượng vẫn thấp hơn mức trước khủng hoảng khoảng 10% vào cuối năm 2021.
- Tín dụng đối với đầu tư kinh doanh chứng khoán liên tiếp giảm mạnh, trái ngược với quy mô giao dịch bùng nổ trên sàn. Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước, tăng trưởng tín dụng đối với lĩnh vực đầu tư kinh doanh chứng khoán tiếp tục nối dài xu hướng giảm từ đầu năm cho đến nay. Đặc biệt, dữ liệu cập nhật gần nhất cho thấy mức độ giảm rất mạnh so với cuối năm liền trước. Cụ thể, đến cuối tháng 8/2020, tín dụng đối với lĩnh vực đầu tư kinh doanh chứng khoán đã giảm tới 10,35% so với cuối 2019 và chỉ còn chiếm 0,32% tổng dư nợ của hệ thống.
- Theo thống kê của Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thuỷ sản (VASEP), do tác động của dịch Covid-19, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong quý I giảm 10% và tiếp tục giảm 7% trong quý II đạt gần 1,8 tỷ USD. Tuy nhiên, bước sang quý III, kim ngạch thủy sản đã tăng nhẹ 2% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt gần 2,4 tỷ USD. VASEP dự báo, kim ngạch xuất khẩu thủy sản 3 tháng cuối năm đạt khoảng 2,3 tỷ USD; trong đó tôm tăng 9%, cá tra giảm 31% và hải sản tăng 7,5% với cùng kỳ 2019.

Thứ 3 ngày 06/10/2020

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) cho biết, tính đến ngày 30-9-2020, tín dụng toàn bộ nền kinh tế đã tăng 6,09% so với cuối năm 2019 (cùng kỳ năm 2019 tăng 9,4%).Trong bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn do tác động của dịch Covid-19, nhưng kết quả tín dụng 9 tháng đầu năm 2020 đã góp phần hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng GDP 9 tháng đầu năm của cả nước đạt 2,12%.
- Đầu tư công nên đóng vài trò trung tâm trong giai đoạn phục hồi ở cả các kinh tế mới nổi và phát triển sau thời gian suy giảm vì tác động của đại dịch viêm đường hô hấp cấp COVID-19. Đây là nhận định mới được Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đưa ra trước thềm các cuộc họp mùa Thu của tổ chức này. Theo bài chia sẻ mới nhất của các quan chức IMF, việc đẩy mạnh những khoản chi tiêu với mức lãi xuất thấp trên toàn cầu có thể giúp tạo ra hàng triệu việc làm trực tiếp trong ngắn hạn và hàng triệu việc làm gián tiếp khác trong dài hạn. Giả sử các khoản đầu tư đều có "chất lượng cao", việc tăng đầu tư công ở mức 1% GDP có thể kéo theo đầu tư tư nhân tăng 10%, việc làm tăng 1,2% và GDP tăng 2,7% cùng với đó là niềm tin chung vào khả năng phục hồi cũng sẽ cải thiện.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho biết, ước tính 9 tháng năm 2020, các khu công nghiệp, khu kinh tế trên cả nước thu hút khoảng 517 dự án từ đầu tư nước ngoài, với số vốn đăng ký mới và tăng thêm đạt khoảng 8,5 tỷ USD. Bên cạnh đó, lũy kế nâng tổng số dự án đầu tư nước ngoài đến cuối tháng 9 lên khoảng 10.009 dự án, với tổng vốn đăng ký đạt khoảng 197,8 tỷ USD. Vốn đầu tư thực hiện đạt khoảng 70%.

Thứ 4 ngày 07/10/2020

- HSBC kỳ vọng tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ đạt mức 2,6% vào năm 2020. Việt Nam là nền kinh tế ASEAN duy nhất được HSBC tiếp tục dự báo có tăng trưởng khả quan trong năm nay. Sang năm 2021, HSBC dự báo Việt Nam sẽ được hưởng lợi từ sự phục hồi trên toàn cầu và thu hút được dòng vốn FDI. HSBC kỳ vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2021 sẽ đạt mức 8,1% (dự báo trước đây 8,5%).
- Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) ngày 6/10 cho biết thương mại toàn cầu, bị tác động nặng nề của khủng hoảng dịch viêm đường hô hấp cấp COVID-19, sẽ suy giảm ít hơn dự báo trong năm nay, song sự phục hồi cũng sẽ yếu hơn. Trong dự báo trước đây, WTO cho biết thương mại toàn cầu sẽ giảm 12,9% trong năm 2020, tuy nhiên trong dự báo mới nhất, con số này hiện đã được sửa đổi thành 9,2% trong năm nay. Tăng trưởng thương mại toàn cầu cũng được dự báo ở mức 7,2% vào năm tới, thay vì 21,3% như dự báo trước đó.
- **Bộ Thương mại Mỹ** ngày 6/10 cho biết thâm hụt thương mại của nước này trong tháng Tám đã tăng lên mức cao nhất trong 14 năm qua. Đây là dấu hiệu cho thấy thương mại có thể là tác nhân làm giảm tăng trưởng kinh tế trong quý 3. Theo Bộ trên, **thâm hụt thương mại** trong tháng Tám là 5,9%, đạt 67,1 tỷ USD, mức cao nhất từ tháng 8/2006.

Thứ 5 ngày 08/10/2020

- Sản lượng công nghiệp của Đức sẽ không thể phục hồi trở lại mức trước khủng hoảng ít nhất là cho đến năm 2021, dù triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế lớn nhất châu Âu tích cực hơn một số nước khác. Cơ quan Thống kê Liên bang Đức **Destatis** ngày 7/10 cho biết, động lực **tăng trưởng kinh tế** của nước này gặp nhiều **khó khăn** trong tháng 8/2020, khi **sản xuất** công nghiệp của nền kinh tế lớn nhất châu Âu bất ngờ sụt giảm sau khi tăng trưởng ba tháng trước đó. Theo Destatis, sản lượng công nghiệp của Đức trong tháng 8/2020 giảm 0,2%, trong khi tháng trước đó ghi

nhận mức tăng 1,4%.

■ Hết năm nay, những cam kết liên quan quyền lợi, trách nhiệm của Anh trong Liên minh châu Âu (EU) chính thức kết thúc. Một hiệp định thương mại tự do (FTA) Vương quốc Anh - Việt Nam dự kiến sẽ được ký vào cuối năm 2020 và có hiệu lực ngay đầu năm 2021.

■ Loạt doanh nghiệp Hàn Quốc đưa nhà máy từ Trung Quốc sang Việt Nam bất chấp Chính phủ kêu gọi về nước. Theo Bloomberg, lý do khiến các tập đoàn Hàn Quốc không đưa dây chuyền sản xuất từ Trung Quốc về nước là chi phí nhân công cao. Thay vào đó, họ tìm cách chuyển đến khu vực Đông Nam Á, trong đó chủ yếu là Việt Nam.

Thứ 6 ngày 09/10/2020

■ Có đến 45,6% trong số 6.500 doanh nghiệp (DN) được khảo sát nhận định, xu hướng sản xuất kinh doanh quý 4 sẽ tốt hơn. Thị trường xuất khẩu sẽ "bùng nổ" về sức mua do đang bị nén thời gian khá dài.

■ Chỉ số giá trị vốn hóa các công ty niêm yết của Việt Nam tiếp tục tăng 9 bậc. Theo xếp hạng của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới của Liên hợp quốc (WIPO) từ năm 2017 đến nay, chỉ số Giá trị vốn hóa các công ty niêm yết (%GDP) liên tục tăng hạng qua các năm. Theo Báo cáo Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu năm 2020 do WIPO công bố mới đây, Việt Nam tiếp tục giữ vị trí thứ 42 trong bảng xếp hạng trên 131 quốc gia và nền kinh tế (năm 2019 đứng thứ 42/129). Với thứ hạng này, Việt Nam giữ vị trí số một trong nhóm 29 quốc gia có cùng mức thu nhập và đứng thứ 3 khu vực Đông Nam Á.

■ Ngày 8/10, Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (**FAO**) cho biết trong tháng 9 vừa qua, **chỉ số giá lương thực** thế giới đã tăng trong tháng thứ tư liên tiếp, trong đó tăng mạnh nhất là giá là ngũ cốc và **dầu thực vật**. Theo FAO, chỉ số giá lương thực trong tháng 9 đạt trung bình 97,9 điểm, trong đó, chỉ số giá ngũ cốc trong tháng 9 tăng 5,1% so với tháng trước đó, và tăng 13,6% so với cùng kỳ năm ngoái.

■ Số liệu từ Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cho biết trong tháng 9, nhà đầu tư trong nước đã mở mới 31.418 tài khoản, tăng hơn 3.000 tài khoản so với tháng trước đó. Trong đó, số lượng nhà đầu tư cá nhân mở mới trong tháng 9 là 31.340 và 78 tài khoản mở mới từ các tổ chức.

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI: csi.research@vncsi.com.vn

Người thực hiện: Lê Văn Thành
Chuyên viên phân tích bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: thanhlv@vncsi.com.vn

Người thực hiện: Đỗ Thị Hường
Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: huongdt@vncsi.com.vn

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI
Đỗ Bảo Ngọc
Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu
Email: ngocdb@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng
Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: khanglc@vncsi.com.vn

Lê Văn Thành
Chuyên viên phân tích bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: thanhlv@vncsi.com.vn

Đỗ Thị Hường
Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: huongdt@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Trần Vũ Phương Liên
Chuyên viên phân tích
Email: lientvp@vncsi.com.vn

Vũ Thùy Dương
Chuyên viên phân tích
Email: duongvt@vncsi.com.vn

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá,

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	>=20%
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	<= -20%

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và CSI không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của CSI, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của CSI.

TRỤ SỞ CSI
Tầng 11 Tòa Nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: + 84 24 3926 0099 Webiste: https://www.vncsi.com.vn/